PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chích sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) để bố trí nơi làm việc cho cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ chuyên trách giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ ở cấp xã (cán bộ cấp xã).

2. Công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 3. Trong Quyết định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã" là tòa nhà và khuôn viên đất được sử dụng vào mục đích làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã.

2. "Tổng diện tích nhà làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã" gồm:

a) "Diện tích làm việc cho các cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã" là số mét vuông sàn, được xác định cho một chỗ làm việc của cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, để sử dụng vào mục đích làm việc tại trụ sở.

b) "Diện tích bộ phận công cộng và kỹ thuật" là số mét vuông sàn, được sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động chung tại trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã. Diện tích bộ phận công cộng và kỹ thuật gồm: diện tích phục vụ họp, diện tích phục vụ tiếp dân, diện tích phục vụ cải cách hành chính một cửa, diện tích phục vụ lưu trữ hồ sơ, diện tích phục vụ hoạt động thông tin và tuyên truyền.

c) "Diện tích bộ phận phụ trợ và phục vụ" là số mét vuông sàn, được xác định theo công năng thiết kế của tòa nhà, gồm: Diện tích sảnh chính, sảnh phụ; diện tích hành lang; diện tích khu vệ sinh; diện tích kho.

d) Diện tích cầu thang, diện tích nhà để xe, diện tích hội trường.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định như sau:

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc

Chức vụ, chức danh	**Tiêu chuẩn diện tích tối đa cho 1 chỗ làm việc** *(m^2/người)*
A. Cán bộ	
Chức vụ: Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân	15
Chức vụ: Phó Bí thư Đảng ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	12
Chức vụ: Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam; Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.	10

Chức vụ, chức danh	Tiêu chuẩn diện tích tối đa cho 1 chỗ làm việc *(m^2/người)*
B. Công chức	
Chức danh: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với trị trấn); Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.	10
C. Những người hoạt động không chuyên trách	5

2. Trường hợp một cán bộ, công chức giữ nhiều chức danh có quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng diện tích làm việc cao nhất.

3. Việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc đối với chức danh Trưởng Công an và chức danh Chỉ huy trưởng quân sự thực hiện như sau:

a) Trường hợp Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Công an xã đã được bố trí trụ sở làm việc riêng, độc lập với trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã thì không được tính tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc của các chức danh này vào tổng diện tích nhà làm việc của trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã.

b) Trường hợp Ban chỉ huy quân sự cấp xã, Công an xã chưa có trụ sở làm việc riêng, phải bố trí làm việc chung tại trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã thì diện tích làm việc của các chức danh này được tính vào tổng diện tích nhà làm việc của trụ sở cơ quan nhà nước cấp xã. Tiêu chuẩn diện tích làm việc tối đa cho mỗi chức danh là 12 m^2/người.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức diện tích sử dụng cho các bộ phận công cộng, kỹ thuật, phụ trợ và phục vụ quy định như sau:

1. Đối với trụ sở làm việc xây dựng mới, diện tích các bộ phận công cộng, kỹ thuật, phụ trợ và phục vụ được tính tối đa bằng 70% tổng diện tích làm việc cho cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

2. Đối với trụ sở làm việc đã xây dựng thì được xác định theo thực tế sử dụng.

Điều 6. Quy định về diện tích cầu thang, nhà để xe, hội trường

Việc xác định diện tích cầu thang, nhà để xe và hội trường thực hiện theo quy định sau:

1. Diện tích cầu thang, diện tích nhà để xe được xác định theo Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng Việt Nam đối với từng dự án đầu tư xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và khả năng của ngân sách để quyết định cụ thể đối với từng dự án đầu tư xây dựng Hội trường của cấp xã.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, căn cứ tình hình trụ sở làm việc thực tế của cơ quan nhà nước cấp xã và khả năng của ngân sách địa phương để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương:

1. Thực hiện rà soát bố trí, sắp xếp lại trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã hiện có cho phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và tình hình thực tế ở địa phương, đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản Nhà nước.

2. Lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng mới, nâng cấp trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

3. Thực hiện quản lý, sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước cấp xã theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2012.

2. Bãi bỏ Quyết định số 32/2004/QĐ-BTC ngày 06 tháng 4 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước tại xã, phường, thị trấn.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng